

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 32/2022/DS-PT
Ngày 07-6-2022
V/v tranh chấp kiện đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Anh Sơn

Các Thẩm phán: Ông Đặng Minh Hạnh

Ông Nguyễn Quốc Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Hồng Phương - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng: Bà Đỗ Thu Hương - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 07 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2022/TLPT-DS ngày 09 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp kiện đòi tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2022/DS-ST ngày 26 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 35/2022/QĐ-PT ngày 27 tháng 4 năm 2022 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở lại phiên tòa xét xử phúc thẩm số 37/2022/QĐ-PT ngày 16 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Minh P; địa chỉ: Số X ngõ Y đường L, phường L, quận N, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Hương G - Luật sư của Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

Bị đơn: Công ty Cổ phần C (sau đây viết tắt là Công ty Cổ phần); tên gọi trước khi cổ phần hóa là Công ty Trách nhiệm hữu hạn C (sau đây viết tắt là Công ty TNHH); địa chỉ trụ sở: Số 8 khu 1 V, phường H, quận H, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Đỗ Trọng N - chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị, là người đại diện theo pháp luật; ông Cấn Ngọc Đ – chức vụ: Trưởng phòng Tổ chức hành chính, kiêm Thư ký Hội đồng quản trị là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 08/GUQ-CT ngày 05 tháng 01 năm 2022); đều vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị Minh P là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xí nghiệp D (sau đây viết tắt là Xí nghiệp) là một trong các chi nhánh của Công ty TNHH. Bà Nguyễn Thị Minh P là Giám đốc Xí nghiệp theo Quyết định số 198/QĐ-CT ngày 05-6-2012 của Chủ tịch Công ty TNHH. Sau khi bà được bổ nhiệm làm Giám đốc Xí nghiệp, hàng năm Công ty TNHH yêu cầu bà ký hợp đồng nội bộ với nội dung “Giao, nhận khoán kinh doanh dịch vụ trông giữ xe, nhà vệ sinh tại bãi xe và nhà vệ sinh công cộng khu II Đồ Sơn, trong đó có điều khoản “Xí nghiệp phải thanh toán mọi chi phí phục vụ cho hoạt động kinh doanh của mình (ngoài số tiền giao khoán) như: Sửa chữa nhỏ, mua sắm vật dụng, tiền điện, tiền nước, tiền điện thoại, tiền lương ... Đóng, nộp các loại bảo hiểm cho người lao động hàng tháng đầy đủ và đúng kỳ hạn (trường hợp không đảm bảo đúng kỳ hạn, công ty sẽ báo dừng đến khi nào thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình).

Từ tháng 5 năm 2012 đến tháng 9 năm 2015, với vai trò là Giám đốc Xí nghiệp, bà đã đóng bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) và bảo hiểm y tế (BHYT) cho người lao động của Công ty TNHH tham gia làm việc tại Xí nghiệp với tổng số tiền là 202.989.817 đồng. Các khoản tiền bảo hiểm mà bà đã nộp cho Công ty TNHH đều được thể hiện bằng các phiếu thu. Do Xí nghiệp hạch toán báo sổ và tại thời điểm đó Xí nghiệp không có kế toán nên để công khai số tiền doanh thu của Xí nghiệp, Công ty TNHH đã hướng dẫn, yêu cầu Xí nghiệp làm các giấy đề nghị thanh toán và phiếu chi. Tuy nhiên, trên thực tế, Công ty TNHH không chi số tiền theo các phiếu chi.

Xí nghiệp là chi nhánh thuộc Công ty TNHH, nhưng người lao động tại Xí nghiệp lại ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH, trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ đóng các khoản bảo hiểm phải thuộc về người sử dụng lao động ký hợp đồng trực tiếp với người lao động. Xí nghiệp được giao khoán số tiền hàng năm đóng về cho Công ty TNHH trên cơ sở tiền thu được từ hoạt động của Xí nghiệp, đồng nghĩa với đó là Công ty TNHH phải trích từ khoản doanh thu để trả lương và thực hiện các nghĩa vụ đóng, nộp bảo hiểm cho người lao động. Hơn nữa, với tư cách là người đứng đầu Xí nghiệp, bà là người quản lý, điều hành người lao động trong Xí nghiệp; đồng thời trông coi, bảo vệ tài sản Công ty TNHH giao cho Xí nghiệp, chứ không phải là người sử dụng lao động. Công ty TNHH cũng như Xí nghiệp không có văn bản nào bắt buộc bà với cách cá nhân phải nộp các khoản tiền bảo hiểm cho người lao động. Hình thức nộp tiền vào Công ty TNHH

theo yêu cầu của công ty bằng các bảng kê chi tiết, các thông báo của công ty yêu cầu bà với tư cách là người đứng đầu Xí nghiệp phải nộp.

Năm 2015, Công ty TNHH được cổ phần hóa và đổi tên thành Công ty Cổ phần. Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty Cổ phần phải hoàn trả cho bà số tiền mà bà đã thay Công ty TNHH đóng các loại bảo hiểm cho người lao động, thời gian từ tháng 5-2012 đến hết tháng 9-2015, tổng số tiền tạm tính là 202.989.817 đồng.

Trong Đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện đề ngày 09-12-2021, bà P bổ sung yêu cầu khởi kiện như sau: Vào đầu năm 2011, bà được bổ nhiệm làm Giám đốc Xí nghiệp theo Quyết định số 28/QĐ-CT ngày 28-02-2011 và Quyết định số 98/QĐ-CT ngày 05-6-2012 của Công ty TNHH. Theo các quyết định trên thì bà được nhận lương trực tiếp từ Công ty TNHH. Tuy nhiên, trong các hợp đồng thuê khoán giữa Xí nghiệp và Công ty TNHH thì công ty yêu cầu bà phải đóng một khoản tiền nhất định để dùng nó vào việc chi trả lương cho bà. Năm 2012, bà không được nhận số tiền lương là 51.660.000 đồng; tiền lương theo Hợp đồng nội bộ số 68/HĐ ngày 26-4-2013 là 125.000.000 đồng; tiền lương theo Hợp đồng nội bộ số 69/HĐ ngày 25-4-2014 là 152.000.000 đồng; tiền lương năm 2015 là 114.000.000 đồng; số tiền 64 ngày nghỉ hưởng nguyên lương từ năm 2012 đến hết năm 2015 tạm tính là 13.632.000 đồng. Do đó, bà yêu cầu Tòa án buộc Công ty Cổ phần phải hoàn trả cho bà toàn bộ số tiền lương mà bà được hưởng, tổng cộng là 494.292.000 đồng.

Trong Đơn kiến nghị đề ngày 14-12-2021, bà P yêu cầu Tòa án xác định tư cách tham gia tố tụng của ông Cán Ngọc Đ, vì: Bị đơn trong vụ án là Công ty Cổ phần nhưng theo Giấy uỷ quyền lập ngày 05-8-2021 thì việc uỷ quyền là giữa cá nhân ông Hoàng Đăng H với ông Đ chứ không phải công ty uỷ quyền cho ông Đ tham gia tố tụng.

Ngày 21-01-2022, bà P có Đơn đề nghị đưa những người có tên sau vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Hoàng Đăng H - nguyên Chủ tịch Công ty TNHH (giai đoạn 2012-2015), nguyên Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần; bà Nguyễn Thị L - nguyên Trưởng phòng Tài vụ Công ty TNHH (giai đoạn 2012-2015), hiện là Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần; bà Bùi Thị Anh D - Kiểm soát viên Công ty TNHH (giai đoạn 2012-2015), hiện là Trưởng ban Kiểm soát Công ty Cổ phần; bà Lưu Thị H - nguyên Kế toán phòng Tài vụ Công ty TNHH (giai đoạn 2012-2015); bà Nguyễn Thị Thu Th - nguyên Kế toán phòng Tài vụ Công ty TNHH (giai đoạn 2012-2015); bà Đinh Thị Ngọc Q - nguyên Phó Giám đốc, kiêm Trưởng ban Kế hoạch Xí nghiệp (giai đoạn 2012-2015); ông Ngô Văn D, ông Ngô Văn M, ông Vũ Văn Ph, ông Lưu Đình Ng, ông Phạm Thế H, ông Trần Gia H1, ông Hoàng Đình Th1 và bà Phạm Thị L1 - đều là công nhân của Xí nghiệp (giai đoạn 2012-2015); với lý do: Thứ nhất, những người là lãnh đạo, cán

bộ phụ trách nghiệp vụ tại Công ty TNHH (giai đoạn 2012-2015), nay là Công ty Cổ phần trực tiếp ký vào các văn bản yêu cầu và chứng từ thu tiền (là những tài liệu chứng minh trực tiếp yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn) nên họ là người trực tiếp thu và chịu trách nhiệm về khoản thu theo yêu cầu của mình; thứ hai, công nhân của Xí nghiệp (giai đoạn 2012-2015) là những người trực tiếp được hưởng lợi từ việc bà P dùng tiền cá nhân đóng bảo hiểm cho người lao động.

Trình bày và đề nghị của bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn C sau này được cổ phần hóa và đổi tên thành Công ty Cổ phần C. Công ty không thu bất cứ khoản tiền nào liên quan đến đóng nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp từ cá nhân bà P, cũng như không có bất cứ yêu cầu gì đối với cá nhân bà P về việc thay công ty đóng nộp các khoản tiền bảo hiểm này cho người lao động của Xí nghiệp trong thời gian từ tháng 5-2012 đến hết tháng 9-2015. Việc công ty nhận các khoản tiền từ Xí nghiệp để đóng nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động của Xí nghiệp là thực hiện các điều khoản đã cam kết của Xí nghiệp (là bên nhận khoán) với công ty theo các hợp đồng giao khoán nội bộ. Các hợp đồng giao khoán nội bộ số 110/HĐ ngày 22-4-2012, số 68/HĐ ngày 26-4-2013, số 69/HĐ ngày 25-4-2014 và số 274/HĐNB ngày 27-4-2015 được ký kết giữa Công ty TNHH với Xí nghiệp chứ không ký với cá nhân bà P. Ngày 14-11-2017, Công ty Cổ phần đã có Quyết định số 615/QĐ-CT sa thải bà P nên bà P không còn là người đại diện của Xí nghiệp, không có tư cách hay có quyền khởi kiện đối với những vấn đề thuộc quan hệ giữa công ty và các đơn vị trực thuộc. Tranh chấp nghĩa vụ (nếu có) liên quan đến các hợp đồng này là tranh chấp giữa công ty và Xí nghiệp.

Bà P không có tài liệu chứng minh các khoản tiền bảo hiểm mà bà cho là đã thay Công ty TNHH đóng cho người lao động của Xí nghiệp lấy từ đâu, của cá nhân bà P hay từ nguồn kinh phí kinh doanh của Xí nghiệp. Bà P có thu số tiền mà người lao động của Xí nghiệp phải đóng nộp các khoản bảo hiểm theo quy định hay không, số tiền là bao nhiêu? Hơn nữa, Công ty TNHH chưa bao giờ có văn bản yêu cầu bà P phải bỏ tiền của cá nhân bà để chuyển cho công ty đóng bảo hiểm cho người lao động của Xí nghiệp. Do đó, yêu cầu của bà P là không có cơ sở, Công ty Cổ phần không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P.

Với nội dung nêu trên Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2022/DS-ST ngày 26 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng đã căn cứ vào Điều 414 và Điều 424 của Bộ luật Dân sự năm 2005; căn cứ vào Điều 135, điểm a khoản 1 Điều 137, khoản 1 Điều 138 và Điều 422 của Bộ luật Dân sự năm 2015; căn cứ vào khoản 2 và khoản 3 Điều 52, khoản 4 Điều 68, Điều 85, Điều 86, Điều 87, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 187, khoản 5 Điều 189, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238, khoản 1 Điều 244, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ vào khoản 3 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Minh P đối với Công ty Cổ phần C về việc đòi lại số tiền đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động của Xí nghiệp D từ tháng 5-2012 đến hết tháng 9-2015 là 202.989.817 đồng.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Minh P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.149.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0007210 ngày 20-7-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, bà P còn phải chịu 9.849.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bản án còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 18-02-2022, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Minh P kháng cáo.

Lý do kháng cáo: Thẩm phán cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật về thu thập tài liệu chứng cứ chứng minh, về xem xét tư cách của người đại diện hợp pháp của bị đơn; về đánh giá tính hợp pháp của Hợp đồng nội bộ; xác định sai phạm trong xác định tỉ lệ đóng nộp bảo hiểm của người lao động; về xác định nguồn gốc khoản tiền nguyên đơn đóng nộp bảo hiểm cho người lao động.

Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Nguyên đơn xuất trình thêm các tài liệu, văn bản sau đây: Thỏa ước lao động tập thể Công ty TNHH MTV công trình công cộng và dịch vụ du lịch Hải Phòng; bản phô tô Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Trách nhiệm hữu hạn C; Danh sách thu BHXH, BHYT, BHTN tháng 5 năm 2012 (Đối với XN Dịch vụ du lịch đã được giao khoán). Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn giữ nguyên các trình bày tại giai đoạn xét xử sơ thẩm, đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Quan điểm của Kiểm sát viên đối với kháng cáo: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật TTDS, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm: Không chấp nhận kháng cáo của

nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Minh P. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 05/2022/DS-ST ngày 26/01/2022 của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng. Về án phí DSPT: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà P phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp về kiện đòi tài sản, bị đơn có địa chỉ trụ sở tại quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng. Vụ án có kháng cáo nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Đây là vụ án về kiện đòi tài sản nên theo quy định tại khoản 2 Điều 155 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng thời hiệu khởi kiện là có cơ sở.

[3] Về việc vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tòa án triệu tập họp lệ đến phiên tòa lần thứ nhất, bị đơn vắng mặt nhưng có đề nghị xét xử vắng mặt. Nguyên đơn đề nghị Tòa án tiếp tục xét xử vắng mặt bị đơn vì bị đơn đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[4] Về tư cách người tham gia tố tụng: Ngày 18-3-2016, Tổng Giám đốc Công ty có Quyết định số 88/2/QĐ-CT về việc không chuyển đổi và không bổ nhiệm lại chức vụ Giám đốc Xí nghiệp thuộc Công ty đối với bà P. Ngày 14-11-2017, Công ty đã có Quyết định xử lý kỷ luật với hình thức sa thải số 615/QĐKL-CT đối với bà Nguyễn Thị Minh P. Như vậy, tại thời điểm khởi kiện, bà Nguyễn Thị Minh P không phải là người đại diện hợp pháp của Xí nghiệp. Ông Lưu Đình Ng, ông Hoàng Đình Th1, ông Trần Gia H1 và ông Phạm Thế H (đều là công nhân của Xí nghiệp khoảng từ năm 2012 đến năm 2014) không tranh chấp gì với Công ty TNHH, cũng như Công ty Cổ phần về tiền bảo hiểm của họ từ năm 2012 đến nay; và chưa bao giờ nhờ bà P đòi hỏi công ty hoặc Xí nghiệp phải trả lại số tiền bảo hiểm của các ông đã nộp từ năm 2012 đến năm 2015. Như vậy, bà Nguyễn Thị Minh P không phải là chủ thể đại diện tập thể lao động hoặc được người lao động ủy quyền khởi kiện vụ án dân sự để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ theo quy định tại khoản 2 Điều 187 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Xác định nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Minh P, khởi kiện với tư cách cá nhân; bị đơn là Công ty Cổ phần. Nhận định nêu trên của Tòa án cấp sơ thẩm là có cơ sở.

[5] Về người tham gia tố tụng: Đơn đề nghị ngày 21-01-2022, nguyên đơn yêu cầu bổ sung người tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với những người đã trực tiếp ký vào các văn bản yêu cầu, chứng từ thu tiền và trực tiếp thu tiền. Như đã nêu tại phần [3], trong vụ án này, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Công ty Cổ phần phải trả các khoản tiền bảo hiểm

mà bà cho rằng đã dùng tiền cá nhân để đóng cho các công nhân của Xí nghiệp (giai đoạn 2012-2015), mà lẽ ra trách nhiệm đó thuộc về Công ty TNHH (là người sử dụng lao động). Nguyên đơn yêu cầu đưa ông Trần Văn L là chồng của nguyên đơn vào tham gia tố tụng vì cho rằng các khoản tiền mà nguyên đơn đã đóng bảo hiểm là tài sản chung của vợ chồng nguyên đơn. Xét thấy, đóng tiền bảo hiểm là thỏa thuận được ghi nhận trong các hợp đồng nội bộ giữa Công ty TNHH và Xí nghiệp; bà P ký tên trong các hợp đồng nội bộ với tư cách là người đại diện của Xí nghiệp chứ không phải là cá nhân bà P. Do vậy, các tranh chấp phát sinh liên quan giữa Công ty TNHH hoặc Công ty Cổ phần với Xí nghiệp liên quan đến các thỏa thuận trong hợp đồng nội bộ nếu có không liên quan đến ông Trần Văn L là chồng bà P. Đối với ông Hoàng Đăng H - nguyên Chủ tịch Công ty TNHH (giai đoạn 2012-2015), nguyên Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần; bà Nguyễn Thị L - nguyên Trưởng phòng Tài vụ Công ty TNHH (giai đoạn 2012-2015), hiện là Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần; bà Bùi Thị Anh D - Kiểm sát viên Công ty TNHH (giai đoạn 2012-2015), hiện là Trưởng ban Kiểm soát Công ty Cổ phần; bà Lưu Thị H - nguyên Kế toán phòng Tài vụ Công ty TNHH (giai đoạn 2012-2015); bà Nguyễn Thị Thu Th - nguyên Kế toán phòng Tài vụ Công ty TNHH (giai đoạn 2012-2015); bà Đinh Thị Ngọc Q - nguyên Phó Giám đốc, kiêm Trưởng ban Kế hoạch Xí nghiệp (giai đoạn 2012-2015). Như đã nêu ở trên, tranh chấp của nguyên đơn xuất phát từ thỏa thuận trong các hợp đồng nội bộ được ký kết giữa Công ty TNHH và Xí nghiệp, tuy nhiên hiện nay bà P không còn làm giám đốc Xí nghiệp, không phải là người đại diện hợp pháp của Xí nghiệp. Trong quá trình thực hiện thỏa thuận tại các hợp đồng nội bộ những người mà nguyên đơn có yêu cầu đưa vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nêu trên thực hiện nhiệm vụ theo chức năng chuyên môn được công ty phân công. Ngoài ra, Xí nghiệp là đơn vị trực thuộc công ty không có tranh chấp với công ty. Cá nhân những người có tên nêu trên không có tranh chấp với công ty. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện mà nguyên đơn đang đề nghị Tòa án giải quyết liên quan đến công ty, chứ không liên quan đến quyền và lợi ích của những người có tên nêu trên. Trường hợp nguyên đơn (nếu có) tranh chấp với cá nhân những người nêu trên sẽ khởi kiện bằng vụ việc khác. Đối với những người công nhân của Xí nghiệp (giai đoạn 2012-2015), gồm: ông Ngô Văn D, ông Ngô Văn M, ông Vũ Văn Ph, ông Lưu Đình Ng, ông Phạm Thế H, ông Trần Gia H1, ông Hoàng Đình Th1 và bà Phạm Thị L1 nếu có thắc mắc về các chế độ lao động sẽ trực tiếp là việc với Xí nghiệp và công ty hoặc nếu có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác theo trình tự quy định của pháp luật. Do vậy, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu bổ sung người tham gia tố tụng của nguyên đơn, theo khoản 4 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự là có cơ sở.

[6] Xét kháng cáo của nguyên đơn về việc thẩm phán chủ tọa phiên tòa cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng tố tụng: Cụ thể nguyên đơn đề nghị Tòa án cấp sơ thẩm yêu cầu bị đơn phải cung cấp các tài liệu chứng cứ là bản gốc các giấy tờ tài liệu có liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không có văn bản yêu cầu bị đơn. Xét thấy, theo Điều 6 của Bộ luật Tố tụng dân sự về Cung cấp chứng cứ và chứng minh trong tố tụng dân sự quy định: “1. *Đương sự có quyền và nghĩa vụ chủ động thu thập, giao nộp chứng cứ cho Tòa án và chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp.*”. Bên cạnh đó Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự về Nghĩa vụ chứng minh quy định: “*Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp*”. “*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc*”. Trong vụ án này bà P là nguyên đơn, có nghĩa vụ cung cấp chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình theo các quy định nêu trên. Do đó khiếu nại của nguyên đơn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không có văn bản yêu cầu bị đơn giao nộp tài liệu chứng cứ là vi phạm tố tụng về thu thập tài liệu chứng cứ và giải quyết khiếu nại của Chánh án Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn không đúng bao che sai phạm của cấp dưới là không có căn cứ.

[7] Xét ý kiến của nguyên đơn về xác định tư cách tham gia tố tụng của ông Cấn Ngọc Đ: Điểm a khoản 1 Điều 137 của Bộ luật Dân sự quy định: “1. *Người đại diện theo pháp luật của pháp nhân bao gồm: a) Người được pháp nhân chỉ định theo điều lệ; ...*”. Theo đó, Điều 3 Điều lệ Công ty Cổ phần thì “*Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật và là Chủ tịch Hội đồng quản trị (ông Hoàng Đăng H). Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án, ...*”. Điều 135 của Bộ luật Dân sự quy định: “*Quyền đại diện được xác lập theo ủy quyền giữa người được đại diện và người đại diện (sau đây gọi là đại diện theo ủy quyền); theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, theo điều lệ của pháp nhân hoặc theo quy định của pháp luật (sau đây gọi chung là đại diện theo pháp luật)*”. Như vậy, việc ông Hoàng Đăng H với tư cách là đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần ủy quyền cho ông Đ theo Giấy ủy quyền số 584/UQ-CT ngày 05-8-2021 không vi phạm điều cấm của pháp luật. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 05/01/2022, người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần là ông Đỗ Trọng Nam, chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Giấy ủy quyền số 08/GUQ-CT ngày 05/01/2022 giữa bên ủy quyền là Công ty Cổ phần, đại diện là ông Đỗ Trọng Nam chủ tịch Hội đồng quản trị và bên được ủy quyền là ông Cấn Ngọc Đ.

Theo quy định tại các điều 85, 86 và 87 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm chấp nhận ông Đ tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là có cơ sở.

[8] Xét kháng cáo của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả số tiền 202.989.817 đồng là tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp mà nguyên đơn đã dùng tiền cá nhân để đóng cho Công ty TNHH:

[8.1] Từ năm 2012 đến năm 2015, Công ty TNHH và Xí nghiệp đã ký kết các hợp đồng nội bộ sau: Hợp đồng nội bộ số 110/HĐ ngày 22-4-2012 về việc giao, nhận khoán kinh doanh dịch vụ trông giữ xe và nhà vệ sinh tại bãi xe và nhà vệ sinh công cộng khu II Đồ Sơn; Hợp đồng nội bộ số 68/HĐ ngày 26-4-2013 về việc giao, nhận khoán kinh doanh dịch vụ trông giữ xe và nhà vệ sinh tại bãi xe và nhà vệ sinh công cộng khu II Đồ Sơn; Hợp đồng nội bộ số 69/HĐ ngày 25-4-2014 về việc giao, nhận khoán kinh doanh dịch vụ trông giữ xe và nhà vệ sinh tại bãi xe và nhà vệ sinh công cộng khu II Đồ Sơn; Hợp đồng nội bộ số 274/HĐNB ngày 27-4-2015 về việc giao khoán thu phí nhà vệ sinh công cộng khu II Đồ Sơn. Trong các hợp đồng này, bên giao khoán là Công ty TNHH do ông Hoàng Đăng H chức danh Tổng giám đốc đại diện, bên nhận khoán là Xí nghiệp do bà P chức danh Giám đốc đại diện; trong các hợp đồng hai bên thỏa thuận nhiều nội dung, trong đó có nội dung: *“Xí nghiệp phải thanh toán mọi chi phí phục vụ cho hoạt động kinh doanh của mình (ngoài số tiền giao khoán) như: sửa chữa nhỏ, mua sắm vật dụng, tiền điện, tiền nước, điện thoại, tiền lương, ... đóng nộp các loại bảo hiểm cho người lao động hàng tháng đầy đủ và đúng kỳ hạn (trường hợp không đảm bảo đúng kỳ hạn, công ty sẽ báo dừng đến khi nào thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của mình)”*. Thỏa thuận nêu trên là sự thỏa thuận giữa Công ty TNHH và Xí nghiệp chứ không phải là thỏa thuận giữa Công ty TNHH và cá nhân bà P. Trong đơn khởi kiện, bà P cũng nêu *“Từ tháng 5 năm 2012 đến tháng 9 năm 2015, với vai trò là Giám đốc Xí nghiệp, tôi đã đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm y tế cho người lao động của Công ty tham gia làm việc tại Xí nghiệp”*. Như vậy, việc nộp tiền bảo hiểm của người lao động trong Xí nghiệp cũng như các nghĩa vụ của bên nhận khoán theo các hợp đồng là việc bà P đại diện Xí nghiệp thực hiện theo các thỏa thuận đã ký giữa Xí nghiệp và Công ty TNHH chứ không phải cá nhân bà P thực hiện cho Công ty TNHH.

[8.2] Trong các hợp đồng nội bộ nêu trên, không có điều khoản nào buộc cá nhân bà P phải đóng nộp các loại tiền bảo hiểm cho cán bộ, công nhân của Xí nghiệp. Tài liệu, chứng cứ mà đương sự giao nộp cho Tòa án thể hiện việc Công ty TNHH thông báo cho Xí nghiệp đóng nộp tiền bảo hiểm chứ không thông báo cho cá nhân bà P. Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 22-10-2021, bà P trình bày công ty không có văn bản nào bắt buộc bà với tư cách cá nhân phải nộp các khoản tiền bảo hiểm này; bản khai của Công ty Cổ phần cũng thể hiện nội dung này. Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 24-8-2021, bà P trình bày

việc đóng bảo hiểm là do bà và bà Đinh Thị Ngọc Q (là Trưởng ban kế hoạch và Phó Giám đốc Xí nghiệp) trực tiếp nộp vào phòng tài vụ của Công ty TNHH. Tài liệu bà P giao nộp cũng thể hiện việc sau mỗi lần đóng tiền bảo hiểm, bà P có giấy đề nghị thanh toán gửi ban lãnh đạo Xí nghiệp, Xí nghiệp có phiếu chi số tiền bảo hiểm mà bà P đề nghị; các phiếu chi đều được bà P ký vào phần thủ trưởng đơn vị. Như vậy, Xí nghiệp là đơn vị nộp các khoản tiền bảo hiểm theo thỏa thuận tại các hợp đồng nêu trên, bà P và bà Quyên là cán bộ của Xí nghiệp trực tiếp nộp cho Công ty TNHH để đóng cho cơ quan bảo hiểm theo quy định.

[8.3] Tài liệu chứng cứ đương sự cung cấp, xuất trình không có đủ cơ sở chứng minh các khoản tiền mà bà P nộp cho Công ty TNHH để đóng các loại bảo hiểm cho người lao động trong Xí nghiệp là tiền của cá nhân bà P. Mặt khác các hợp đồng nội bộ năm 2012, 2013 và 2014 đều đã được thanh lý. Trong các biên bản thanh lý hợp đồng, hai bên cam kết không tranh chấp hay khiếu nại gì về sau, bà P đều ký vào biên bản với tư cách là Giám đốc Xí nghiệp. Đối với Hợp đồng nội bộ số 274/HĐNB ngày 27-4-2015, khi thời hạn hợp đồng kết thúc, Công ty TNHH nhiều lần có văn bản yêu cầu nhưng bà P vẫn không tiến hành thanh lý, bàn giao tài sản nên phát sinh tranh chấp và đã được giải quyết tại Bản án số 01/2019/DS-ST ngày 19-12-2019 của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng; bản án đã có hiệu lực pháp luật. Như vậy, các hợp đồng nội bộ đã chấm dứt theo quy định tại Điều 424 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 422 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Do đó, không đủ căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh P về nội dung này.

[9] Về đòi tiền lương: Theo đơn khởi kiện, bà P yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty Cổ phần trả lại cho bà các khoản tiền bảo hiểm mà bà đã nộp cho người lao động trong Xí nghiệp. Ngày 22-11-2021, Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải bà P có ký vào Biên bản. Ngày 08-12-2021, Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử. Đến ngày 09-12-2021 (sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử), bà P có đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty Cổ phần phải trả tiền lương cho bà từ năm 2012 đến năm 2015 là 494.292.000 đồng. Đây là yêu cầu vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu của bà P. Theo mục 7 phần IV của Giải đáp số 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07-4-2017 của Tòa án nhân dân tối cao thì Tòa án chấp nhận việc nguyên đơn thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện nếu việc thay đổi, bổ sung được thực hiện trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên họp và sau phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải thì Tòa án chỉ chấp nhận việc đương sự thay đổi yêu cầu khởi kiện nếu việc thay đổi yêu cầu của họ không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu. Khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự về xem xét việc thay đổi, bổ sung, rút yêu cầu, quy định: “*Hội*

đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi, bổ sung yêu cầu của đương sự nếu việc thay đổi, bổ sung yêu cầu của họ không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu". Do đó, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm không chấp nhận việc bổ sung yêu cầu khởi kiện của bà P, không giải quyết yêu cầu bổ sung của bà P trong cùng vụ án này theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự là có cơ sở. Bà P có quyền khởi kiện về vấn đề này bằng vụ án khác.

[10] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Minh P.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2022/DS-ST ngày 26 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Minh P phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0002595 ngày 28/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng; bà Nguyễn Thị Minh P đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự (để thi hành);
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- TAND quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Anh Sơn